

PHỤ LỤC 1
Đề nghị điều chỉnh quy hoạch hệ thống đường tỉnh
(Kèm theo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch)

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (km)	Quy mô Quy hoạch		Giai đoạn đến 2020			Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Nội dung đề nghị điều chỉnh quy hoạch
					Quy mô (làn xe)	Lộ giới (m)	Chiều dài (km)		Kinh phí (tỷ đồng)	Chiều dài (km)		Kinh phí (tỷ đồng)	Chiều dài (km)		Kinh phí (tỷ đồng)	
							Nâng cấp	Làm mới		Nâng cấp	Làm mới		Nâng cấp	Làm mới		
A	Các tuyến đường tỉnh hiện hữu			606,31			160,40	11,30	1.908,72	188,96	79,86	10.739,04	114,10	53,60	5491,59	
1	ĐT.760	Cầu Ông Tiếp	Cầu Tân Vạn	9,30	Đường đô thị		DTBD			Bàn giao thành phố Biên Hòa quản lý						Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ- HĐND ngày 04/12/2021
2	ĐT.761	ĐT.767	Km37+300	37,30	2	45	2,00		10,00	DTBD			DTBD và chuyển về BQL Khu bảo tồn khi đầu tư xong tuyến đường Ven hồ Trị An		Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ- HĐND ngày 04/12/2021	
3	ĐT.762	Quốc lộ 20	Đường Nguyễn Tất Thành	20,50	4-6	45	DTBD			20,50		964,48	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng		Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ- HĐND ngày 04/12/2021	
	Đoạn qua thị trấn Vĩnh An	Đường N9	Đường Nguyễn Tất Thành	3,20	Đường đô thị		Thực hiện theo quy hoạch thị trấn									
4	ĐT.763	Quốc lộ 1	Quốc lộ 20	29,40	4-6	45	29,40		266,00	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch		Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ- HĐND ngày 04/12/2021	

5	ĐT.764	Quốc lộ 56	Ranh Bà Rịa-Vũng Tàu	18,70	4-6	45	DTBD			18,70		615,86	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			Điều chỉnh giai đoạn đầu tư	
6	ĐT.765	Quốc lộ 1	Ranh Bà Rịa-Vũng Tàu	28,30	4-6	45	4,00		10,50	18,30		602,69	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			Điều chỉnh giai đoạn đầu tư	
7	ĐT.766	Quốc lộ 1 xã Xuân Hiệp	Cầu Gia Huynh	15,0	4-6	45	DTBD				3,20	150,55	11,80		388,62	Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
8	ĐT.767	Quốc lộ 1	ĐT.761 (xã Mã Đà)	24,12												Điều chỉnh giai đoạn đầu tư	
	Đoạn 1	Quốc lộ 1	Km 16+754	16,75	4-6	45	DTBD			9,4		116	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch				
	Đoạn 2 (qua thị trấn Vĩnh An)	Km16+754	Km17+840 (ngã tư trung tâm hành chính)	1,09	Đường đô thị	33	Thực hiện theo quy hoạch thị trấn										
	Đoạn 3 (qua thị trấn Vĩnh An)	Km17+840	Km18+940 (ĐT.768)	1,10	Đường đô thị	22	Thực hiện theo quy hoạch thị trấn										
	Đoạn 4	Km18+940	ĐT.761 (xã Mã Đà)	4,18	4-6	45	DTBD			DTBD			đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch				
9	ĐT.768	Ngã 3 Gạc Nai	ĐT.767	37,90												Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
	Đoạn 1	Ngã 3 Gạc Nai	Cầu Thủ Biên	16,90	Đường đô thị	24	DTBD			DTBD			đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch				
	Đoạn 2	Cầu Thủ Biên	ĐT.767	21,00	4-6	45	21,00		123,80	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch				
10	ĐT.769	Quốc lộ 1 (Dầu Giây)	Quốc lộ 51B	42,16												Nắn chỉnh cục bộ hướng tuyến đoạn qua KCN Dầu Giây nhằm đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tuyến đường	
	Đoạn 1	Quốc lộ 1 (Dầu Giây)	Vành đai 4	14,76	6 làn xe cơ giới	45	DTBD			14,76		618,59	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng				
	Đoạn 2 (bao gồm đoạn mở mới)	Vành đai 4	Quốc lộ 51B	15,60	6 làn xe cơ giới, 2 làn xe hỗn hợp	45	DTBD			7,20	8,40	653,80	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng				
	Đoạn 3	Nghĩa trang xã Bình An	Đ.Đội 3-NT Long Thành	11,80		45	DTBD			Chuyển về huyện quản lý sau khi đầu tư đưa vào sử dụng đoạn mở mới							

11	ĐT.769B	Phà Cát Lái	Quốc lộ 51A	29,40											Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
	Đoạn 1	Phà Cát Lái	đường Nguyễn Văn Trị	3,45	Đường đô thị	30	3,45		60,56	Căn cứ quy hoạch đô thị Nhơn Trạch					
	Đoạn 2	đường Nguyễn Văn Trị	ranh huyện Nhơn Trạch và Long Thành	23,85	Đường đô thị	35	23,85		418,64	Căn cứ quy hoạch đô thị Nhơn Trạch					
	Đoạn 3	ranh huyện Nhơn Trạch và Long Thành	Quốc lộ 51A	2,10	Đường đô thị	32	2,10		36,86	Căn cứ quy hoạch đô thị Long Thành					
12	ĐT.770 (Suối Tre - Bình Lộc)	Quốc lộ 1	Quốc lộ 20	11,30	2 - 6	45	DTBD			11,30		357,96	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng		Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
	Đoạn qua thành phố Long Khánh	Quốc lộ 1	Cầu số 2	6,0	Đường đô thị	45	Thực hiện theo quy hoạch đô thị thành phố Long Khánh								
13	ĐT.769C (25B)	Quốc lộ 51	Đ.Quách Thị Trang	14,90										Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
	Đoạn 1	Quốc lộ 51	Nút giao đường Vành đai 3	13,30	Đường đô thị	80	DTBD			13,30		321,06	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng		
	Đoạn 2	Nút giao đường Vành đai 3	Đường Quách Thị Trang	1,60	Đường đô thị	51	DTBD			1,60		38,62	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng		
14	ĐT.771 (Biên Hòa-Long Thành-Nhơn Trạch)	Quốc lộ 51	Đường kết nối vào Cảng Phước An	25,40											Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
	Đoạn 1	Quốc lộ 51	Ranh phía Bắc KCN Long Thành	10,00	Đường đô thị	70					10,00	241,40	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng		
	Đoạn 2	Đi qua KCN Long Thành		2,80	Theo QH KCN		Căn cứ quy hoạch Khu công nghiệp								
	Đoạn 3	Ranh phía Nam KCN Long Thành	Cao tốc TP. HCM – LT – DG	3,70	Đường đô thị	70					3,70	241,23	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch		
	Đoạn 4	Cao tốc TP. HCM – LT – DG	Ranh KCN Nhơn Trạch 1	3,20	Đường đô thị	61	1,20	2,00	185,16	DTBD			đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch		

	Đoạn 5	Ranh KCN Nhơn Trạch 1	ĐT.769C (25B)	1,40	Đường trong KCN	48	DTBD			DTBD			DTBD		
	Đoạn 6	ĐT.769C (25B)	Đường kết nối vào cảng Phước An	4,30	Đường đô thị	61	DTBD			DTBD			DTBD		
15	ĐT.322B	ĐT.761	ĐT.761		Theo quy hoạch huyện Vĩnh Cửu		Chuyển về huyện quản lý								Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ- HĐND ngày 04/12/2021
16	ĐT.772 (Trảng Bom-Xuân Lộc)	ĐT.766, Xuân Lộc	ĐT.767, Trảng Bom	58,2	4-8	45					58,2	2.439,16	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch	Điều chỉnh cục bộ phù hợp với địa hình thực tế, đảm bảo đồng bộ với dự án đang triển khai	
17	ĐT.773 (Long Thành-Cẩm Mỹ-Xuân Lộc)	Quốc lộ 1	ĐT.769 (xã Bình An)												Điều chỉnh cục bộ phù hợp với địa hình thực tế, đảm bảo đồng bộ với dự án đang triển khai
	Đoạn 1	Quốc lộ 1	Quốc lộ 56	24,76	6 lần xe cơ giới, 2 lần xe hỗn hợp	60					24,76	1622,9	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch		
	Đoạn 2	Quốc lộ 56	Hương lộ 10 hiện hữu	3,0	6 lần xe cơ giới	45	Quy hoạch thành đường địa phương								
	Đoạn 3 (hiện hữu)	Hương lộ 10 hiện hữu	Đ.Cầu Mên	13,53	6 lần xe cơ giới, 2 lần xe hỗn hợp	80				13,50		616,10	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch		
	Đoạn 4 (hiện hữu)	Đ.Cầu Mên	ĐT.769	5,77	2	32	Năm trong phạm vi sân bay								
	Đoạn 5 (trùng đoạn tuyến Vành đai 4)	Km38+540 (theo tuyến quy hoạch)	ĐT.769 (xã Bình An)	9,30	4	45		9,30	165,00	Đầu tư theo quy hoạch tuyến đường Vành đai 4 đối với đoạn trùng tuyến, đoạn còn lại DTBD					

	Đoạn qua thị trấn Long Giao	Trục chính đô thị Long Giao		2,80	Theo quy hoạch đô thị Long Giao										
18	ĐT.774 (ĐT.30/4)	Quốc lộ 20 (Km 46+950)	Ranh tỉnh Bình Thuận	4,70	2-4	32	DTBD			4,70		82,50	DTBD	Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
19	ĐT.774B (Tà Lài – Trà Cỏ)	ĐT.Cao Cang	Quốc lộ 20	54,0	2-4	32	54,0		151,0	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng		đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch		Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
	Đoạn qua thị trấn Tân Phú			2,0	Đường đô thị		Căn cứ theo Quy hoạch thị trấn Tân Phú								
20	ĐT.775 (ĐT.Cao Cang)	Quốc lộ 20	Ranh tỉnh Bình Thuận	13,10	4-6	45	13,10		431,43	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng		đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch		Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
	Đoạn qua thị trấn Định Quán			1,0	Đường đô thị	30	1,0			Căn cứ quy hoạch đô thị Định Quán					
21	ĐT.776 (Xuân Bắc-Thanh Sơn)	ĐT.763	ĐT.761	48,30	2-4	32	DTBD				29,80	880,00	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch	Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
22	ĐT.777 (Chất Thái Rắn)	Quốc lộ 1	ĐT.771B	19,07	Đường đô thị	45	DTBD			17,50		576,34	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch	Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
23	ĐT.780 (Sông Nhạn - Dầu Giây)	ĐT.773	ĐT.769	16,60	4-6	45	Huyện quản lý			Nhận bàn giao từ huyện và tiếp tục DTBD		16,60		546,70	Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
24	ĐT.767C (Đường Đồng Khởi)	Nút giao Amata	ĐT.768	8,60	Đường đô thị	30									Hiệu chỉnh lại theo thực tế đang quản lý.

	Đoạn 1	Nút giao Amata	Cây xăng 26	4,32	Đường đô thị	30	DTBD			DTBD			DTBD			Đổi tên thành số hiệu đường bộ theo quy định
	Đoạn 2	Cây xăng 26	ĐT.768	4,28	Đường đô thị	30	Năm trong dự án BOT									
25	ĐT.767B (Đường vào nhà máy nước Thiện Tân)	Quốc lộ 1	ĐT.768	6,30	2-4	32	Năm trong dự án BOT									Hiệu chỉnh lại theo thực tế đang quản lý. Đổi tên thành số hiệu đường bộ theo quy định
	Đoạn qua thành phố Biên Hòa			3,80	Theo quy hoạch đô thị thành phố Biên Hòa											
B	Các tuyến đường tỉnh mở mới			246,11												
1	ĐT.765B (Xuân Định -Lâm San)	Quốc lộ 1	ĐT.765	27,00	2-4	32	Nhận bàn giao từ huyện			DTBD			27,0	101,30	Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
2	ĐT.771B (Hương Lộ 2)	Quốc lộ 51	Đường vào làng đại học	17,80											Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
	Đoạn 1	Quốc lộ 51	Cao tốc TP. HCM – LT – DG	14,60	Đường đô thị	60		14,60	352,44	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			
	Đoạn 2	Cao tốc TP. HCM – LT – DG	Đường vào làng Đại học	3,20	Đường đô thị	35					3,20	77,25	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			
3	ĐT.769D (25C)	Sân bay Long Thành	Đường Liên Cảng	26,10											Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021	
	Đoạn 1	Sân bay Long Thành	Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	2,10	Đường đô thị	120		2,10	50,69	tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			
	Đoạn 2	Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Quốc lộ 51	1,70	Đường đô thị	85		1,70	41,04	tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			
	Đoạn 3	Quốc lộ 51	đường Hùng Vương	3,40	Đường đô thị	100		3,40	82,08	tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			

	Đoạn 4	đường Hùng Vương	ranh KCN Nhơn Trạch 3	5,64	Đường đô thị	100	DTBD			DTBD			DTBD			
	Đoạn 5	ranh Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3	đường Vành đai 3	5,36	Đường đô thị	100		5,36	129,40	tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			
	Đoạn 6	đường Vành đai 3	đường Liên Cảng	7,90	Đường đô thị	100					7,90	109,70	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			
4	ĐT.768B	ĐT.768 (Bình Hòa)	Đường vào Nhà máy nước Thiện Tân	11,60	Đường đô thị	30					11,60	174,00	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
5	ĐT.778 (Bắc Sơn - Long Thành)	Quốc lộ 1 (Km1854+200)	ĐT.769 (đoạn tuyến mở mới)	18,12												Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
	Đoạn 1	Quốc lộ 1	Đường Võ Nguyên Giáp	4,50	4-6	45	4,50		108,63	tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			
	Đoạn 2	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Chất Thải Rắn (ĐT.777)	5,77	Đường đô thị	60		3,40	85,26		2,37	111,50	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			
	Đoạn 3	Đường Chất Thải Rắn (ĐT.777)	Đường ĐT.769 (đoạn mở mới)	7,85	4-8 làn xe	45					7,85	369,33	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			
6	ĐT.779 (Xuân Tâm-Xuân Đông)	Quốc lộ 1	ĐT.765	10,80	2-4	25-32				10,80		189,57	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
7	ĐT.769E	Sân bay Long Thành	ĐT.770B	8,13												Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
	Đoạn 1	Sân bay Long Thành	Depot đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Long Thành	3,5	Đường đô thị	115					3,33	45,90	tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			
	Đoạn 2	Depot đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Long Thành	ĐT.770B	4,63	Đường đô thị	95					4,57	159,30	tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			

8	ĐT.778B	ĐT.778	KCN Giang Điền	1,82	Đường đô thị	45	Công ty CP Sonadezi Giang Điền đầu tư			Nhận bàn giao từ Công ty CP Sonadezi Giang Điền			1,82		59,94	Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
9	ĐT.763B	Đường ven hồ Sông Ray	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	44,12												Điều chỉnh kéo dài tuyến đảm bảo phát triển kinh tế xã hội khu vực huyện Cẩm Mỹ
	Đoạn 1	Đường ven hồ Sông Ray	Quốc lộ 1	20,11	2-6	45							9,88	10,23	624,14	
	Đoạn 2	Quốc lộ 1	Ranh huyện Xuân Lộc và thành phố Long Khánh	7,02	2-6	45								7,02	330,28	
	Đoạn 3	Ranh huyện Xuân Lộc và thành phố Long Khánh	Đường Suối Chồn – Bảo Quang	8,04	2-6	45								8,04	378,27	
	Đoạn 4	Đường Suối Chồn – Bảo Quang	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	6,95	2-6	45								6,95	326,98	
10	ĐT.770B	ĐT.763	QL.51	54,61	4-8	60					53,20	2502,95	tiếp tục đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			Điều chỉnh cục bộ phù hợp với địa hình thực tế, đảm bảo đồng bộ với dự án đang triển khai
11	ĐT.773B	Quốc lộ 56	Nút giao ĐH. Suối Quýt và đường Phước Bình - Bàu Cạn - Cẩm Đường	10,72	4-6	45								10,72	504,35	Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
12	ĐT.777B	Quốc lộ 51	ĐT.771B	5,50	Đường đô thị	47					5,50	276,08	DTBD			Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021

13	ĐT.780B	Quốc lộ 1	ĐT.780 (Sông Nhạn - Dầu Giây)	16,24												Cập nhật theo Nghị Quyết 31/2020/NĐ-HĐND ngày 04/12/2021
	Đoạn 1	Quốc lộ 1	Ranh Khu công nghiệp công nghệ cao Dofico	7,05	4-6	45								7,05	331,69	
	Đoạn 2	Ranh khu công nghiệp công nghệ cao Dofico	ĐT.769	1,72	Căn cứ quy hoạch Khu công nghiệp											
	Đoạn 3	ĐT.769	ĐT.780	7,47	4-6	45								7,47	351,45	
C	Trục chính quan trọng khác			61,54												
1	ĐT.769G (Đường Liên Cảng Nhơn Trạch)	KCN Ông Kèo	Hết ranh Cảng Việt Thuận Thành	15,2												Điều chỉnh quy mô, chiều dài phù hợp với quy hoạch chung Nhơn Trạch đã duyệt
	Đoạn 1	KCN Ông Kèo	ĐT.769B	13,2	4-8	61					13,2	2.060	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			
	Đoạn 2	ĐT.769B	Hết ranh Cảng Việt Thuận Thành	2,0	4-6	45							đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			
2	ĐT.771E (Đường Vành đai 3 nối dài)	Cao tốc Long Thành-Bến Lức	Đ.Vào KCN ông Kèo	2,03	Đường đô thị	48					2,03	95,51	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			Điều chỉnh chiều dài phù hợp các quy hoạch đã duyệt; Đổi tên thành số hiệu đường bộ theo quy định
3	ĐT.771C (Đường kết nối vào cảng Phước An)	ĐT.771	Cảng Phước An	11,10	Đường đô thị	61		11,10	268,19	Tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng			đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			Đổi tên thành số hiệu đường bộ theo quy định
4	ĐT.769F (Đường nối Quận 2- Nhơn Trạch)	Cao tốc Long Thành-Bến Lức	Xã Phú Hữu, Nhơn Trạch (sông Đồng Nai)	8,50	Đường đô thị	100					8,50	477,67	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch			Đổi tên thành số hiệu đường bộ theo quy định

5	ĐT.777C (Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng)	Quốc lộ 51	Quốc lộ 1 đoạn tránh TP. Biên Hòa (Võ Nguyên Giáp)	7,37	2-6	32		5,62	98,62		1,20	30,09	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch	Đổi tên thành số hiệu đường bộ theo quy định
6	ĐT.768C (Đường vành đai TP. Biên Hòa)	ĐT.767 (xã Bắc Sơn)	Cầu Bạch Đằng	17,48	Đường đô thị	60					17,48	453,90	đầu tư đạt chuẩn quy mô quy hoạch	Nắn chỉnh hướng tuyến phù hợp với địa hình thực tế; Đổi tên thành số hiệu đường bộ theo quy định
7	ĐT.771D (Đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải)	Cầu Phước An	Đường kết nối vào Cảng Phước An	1,64	Đường đô thị	50					1,64	77,16	DTBD	Đổi tên thành số hiệu đường bộ theo quy định